

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 2329/QĐ-BXD ngày 16/05/2005 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An thành Công ty cổ phần.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100503295 ngày 05 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 6 năm 2012 với tổng số vốn điều lệ: 85.500.000.000 đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: IDICO - Long An Investment Construction Joint Stock Company

Trụ sở chính: Đường số 1, Khu dân cư Trung tâm phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Ngọc Minh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Xuân Tiên	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Huy Thiện	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2012)
	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2012)
	Ông Võ Hữu Đức	Ủy viên
	Bà Đinh Diệp Nhật Trâm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2012)
Ông Lâm Minh Châu	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 24/04/2012)	

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Xuân Tiên	Giám đốc
	Ông Nguyễn Huy Thiện	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Văn Lộc	Phó Giám đốc
	Ông Lê Văn Đây	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/11/2012)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc. 



Nguyễn Xuân Tiến

Nguyễn Xuân Tiến
Giám đốc

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2013

UIG
C
101
IEM
4E
GIA

Số: 223/2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 30 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 35 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Trần Thanh Đăng Sơn
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1542/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	31/12/2011
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		83.935.313.667	65.085.432.951
I. Tiền và các khoản đương tương khác	110	5.1	12.830.315.262	3.084.347.393
1. Tiền	111		12.830.315.262	3.084.347.393
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.829.278.586	36.025.412.747
1. Phải thu của khách hàng	131		27.124.456.902	29.825.028.317
2. Trả trước cho người bán	132		665.604.181	2.032.472.234
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	8.383.513.000	5.329.853.645
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.344.295.497)	(1.161.941.449)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	31.434.829.876	21.188.646.980
1. Hàng tồn kho	141		31.476.332.684	21.591.073.675
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.502.808)	(402.426.695)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.840.889.943	4.787.025.831
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.215.789.131	278.471.220
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	659.036.203
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	3.625.100.812	3.849.518.408
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		201.995.589.353	153.705.695.250
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		194.689.999.113	146.370.381.278
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	17.746.134.935	19.394.836.295
- Nguyên giá	222		30.161.244.854	31.614.601.960
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.415.109.919)	(12.219.765.665)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	182.376.098	182.376.098
- Nguyên giá	228		182.376.098	182.376.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	176.761.488.080	126.793.168.885
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.810.000.000	6.810.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	6.810.000.000	6.810.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		495.590.240	525.313.972
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		343.989.200	377.451.987
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.10	151.601.040	147.861.985
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		285.930.903.020	218.791.128.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	31/12/2011
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		182.898.619.932	112.864.629.982
I. Nợ ngắn hạn	310		109.364.422.724	78.589.740.975
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	55.839.696.945	21.690.138.637
2. Phải trả người bán	312		16.687.812.994	17.219.824.981
3. Người mua trả tiền trước	313		19.067.801.350	22.316.097.250
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	478.801.561	1.917.568.643
5. Phải trả người lao động	315		633.169.641	1.056.766.298
6. Chi phí phải trả	316		-	841.869.374
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	16.051.270.767	12.796.450.326
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		605.869.466	751.025.466
II. Nợ dài hạn	330		73.534.197.208	34.274.889.007
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	24.033.597.208	17.930.773.120
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	49.500.600.000	16.250.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	94.115.887
B. NGUỒN VỐN (400= 410+430)	400		103.032.283.088	105.926.498.219
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	103.032.283.088	105.926.498.219
1. Vốn điều lệ	411		85.500.000.000	85.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.000.000.000	9.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.042.907.420	1.042.907.420
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.873.965.942	2.590.352.430
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.563.133.857	2.346.383.857
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.052.275.869	5.446.854.512
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		285.930.903.020	218.791.128.201

Người lập biểu



Phạm Quốc Tài

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tiến

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tiến

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2013



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		128.097.434.670	101.080.503.049
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	5.17	128.097.434.670	101.080.503.049
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	5.18	114.416.702.661	84.397.227.604
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.680.732.009	16.683.275.445
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	2.123.117.716	1.905.103.911
7. Chi phí tài chính	22	5.20	2.661.765.737	2.736.719.855
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.661.765.737	2.736.719.855
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	5.963.486.201	5.090.194.333
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	7.120.734.611	7.862.256.116
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-24}	30		57.863.176	2.899.209.052
11. Thu nhập khác	31	5.23	2.461.019.570	2.859.859.799
12. Chi phí khác	32	5.23	410.007.319	104.404.784
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.051.012.251	2.755.455.015
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.108.875.427	5.654.664.067
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.24	56.599.558	1.319.654.877
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.052.275.869	4.335.009.190
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	240	507

Người lập biểu



Phạm Quốc Tài

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tiến



Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.108.875.427	5.654.664.067
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.322.146.814	2.259.642.400
- Các khoản dự phòng	03	(178.569.839)	644.709.953
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.000.000)	
- Chi phí lãi vay	06	2.661.765.737	2.736.719.855
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.908.218.139	11.295.736.275
- Biến động các khoản phải thu	09	3.736.053.761	(4.316.264.340)
- Biến động hàng tồn kho	10	(9.885.259.009)	5.103.027.734
- Biến động các khoản phải trả	11	10.992.152.711	14.319.261.272
- Biến động chi phí trả trước	12	(903.855.124)	(199.667.198)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.737.585.586)	(2.736.719.855)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.319.654.877)	(2.595.307.454)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(3.739.055)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(624.685.375)	(1.069.726.885)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.161.645.585	19.800.339.549
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(57.545.845.024)	(45.485.058.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản khác	22	6.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(57.539.845.024)	(45.485.058.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	142.082.355.184	70.613.631.420
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(74.682.196.876)	(54.006.065.003)
6. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.275.991.000)	(8.550.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	63.124.167.308	8.057.566.417
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9.745.967.869	(17.627.152.034)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.084.347.393	20.711.499.427
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.830.315.262	3.084.347.393

Người lập biểu



Phạm Quốc Tài

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tiến

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Giám đốc




Nguyễn Xuân Tiến

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 2329/QĐ-BXD ngày 16/05/2005 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An thành Công ty cổ phần.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100503295 ngày 05 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16: ngày 26 tháng 11 năm 2012 với tổng vốn điều lệ: 85.500.000.000 đồng.

<u>Stt</u>	<u>Tên cổ đông</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Số cổ phần</u>
1.	Vốn Nhà nước	51%	4.360.500
2.	Cổ đông khác	49%	4.189.500

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: IDICO - Long An Investment Construction Joint Stock Company

Trụ sở chính: Đường số 1, khu dân cư trung tâm phường 6, thành phố Tân An, Long An.

Số lao động bình quân: 498 người (năm 2011: 437 người)

1.2. Các đơn vị trực thuộc Công ty

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO- Nhà máy Vật liệu Xây dựng Tuynel Đức Hòa được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 02/01/2006 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 5013000114 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 10/4/2006.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO- Xí nghiệp khai thác và kinh doanh Vật liệu Xây dựng IDICO - LINCO được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 22/QĐ-HĐQT ngày 29/10/2007 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 5013000187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 24/12/2007.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO- Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư IDICO - LINCO được thành lập và hoạt động Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 1100503295-006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 20/05/2009.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO- Ban Quản lý dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6 - Thành phố Tân An được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 15/03/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 5013000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 19/03/2008.

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (Tiếp theo)

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Đầu tư xây dựng phát triển: hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư tập trung, nhà và đô thị, các dự án phát triển công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp điện - nước;
- Thi công xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, thủy điện, bưu chính viễn thông, hạ tầng, đường dây - trạm biến thế điện;
- Thi công lắp đặt : máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại phục vụ công tác xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và phát triển đô thị;
- Kinh doanh: hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư tập trung, nhà và đô thị, các dự án phát triển công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp điện - nước;
- Khai thác, chế biến, sản xuất: vật tư- nguyên liệu - nhiên liệu - vật liệu xây dựng, trang trí nội - ngoại thất;
- Tư vấn thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình;
- Thẩm định thiết kế dự toán, môi giới và sàn giao dịch bất động sản;
- Khảo sát, đo đạc, khoan thăm dò địa hình, địa chất, lập bản vẽ địa hình địa chất;
- Lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý xây dựng;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, trang trí nội, ngoại thất, hoàn thiện;
- Tư vấn đầu thầu xây dựng, thẩm định, định giá công trình xây dựng, thẩm tra thiết kế dự toán;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công tác và công trình xây dựng.
- Cho thuê kho, bãi.
- San lấp mặt bằng.
- Kinh doanh Khoáng sản.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu dân cư tập trung; thi công xây dựng các công trình; kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

- * Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho do lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo thông tư 203/2009/TT-BTC, theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc, thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê được xem là thuê hoạt động. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phân ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

01/03/2013
CỔ ĐÓNG
HUYỀN
M. S. P.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm 2012, có 8.143.279.765 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoạt động sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, hoạt động xây lắp, hoạt động đầu tư và chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng; và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.095.153.842	660.255.273
Tiền gửi ngân hàng	11.735.161.420	2.424.092.120
Tổng	12.830.315.262	3.084.347.393

5.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Liên doanh Khai thác Hạnh Phúc	4.006.242.712	3.020.390.328
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 10 IDICO	968.674.668	968.674.668
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	3.088.608.011	1.012.788.162
Vương Đức Thơm	-	29.062.873
Công ty Cơ khí Vilacera (Lò sấy, lò nung)	55.261.614	55.261.614
Thù lao Hội đồng quản trị	240.000.000	237.000.000
Phải thu khác	24.725.995	6.676.000
Tổng	8.383.513.000	5.329.853.645

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

5.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.545.623.955	1.375.964.795
Công cụ, dụng cụ	3.200.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.492.327.727	14.885.037.210
Thành phẩm	1.490.178.511	2.241.566.826
Hàng hoá	9.945.002.491	3.088.504.844
Tổng	31.476.332.684	21.591.073.675
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	41.502.808	402.426.695
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	31.434.829.876	21.188.646.980

5.4 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phí bảo lãnh thanh toán hợp đồng mua thép	197.708.334	76.000.000
Chi phí trang thiết bị phục vụ công tác	71.245.454	-
Chi phí tìm việc làm của XN Tư vấn đầu tư	-	162.051.625
Chi phí tiếp thị dự án KDC TT mở rộng Phường 6	875.629.874	-
Chi phí khác (ISO, sửa chữa, môi trường)	71.205.469	40.419.595
Tổng	1.215.789.131	278.471.220

5.5 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	3.625.100.812	3.849.518.408
Tổng	3.625.100.812	3.849.518.408

5.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản có định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	21.559.203.476	4.075.411.149	2.408.999.870	3.570.987.465	31.614.601.960
Mua sắm mới	-	653.454.545	-	19.990.909	673.445.454
Thanh lý, nhượng bán	2.126.802.560	-	-	-	2.126.802.560
Tại ngày 31/12/2012	19.432.400.916	4.728.865.694	2.408.999.870	3.590.978.374	30.161.244.854
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	7.019.066.795	1.768.995.890	1.337.123.413	2.094.579.567	12.219.765.665
Khấu hao trong năm	1.042.076.340	494.651.736	395.344.128	390.074.610	2.322.146.814
Thanh lý, nhượng bán	2.126.802.560	-	-	-	2.126.802.560
Tại ngày 31/12/2012	5.934.340.575	2.263.647.626	1.732.467.541	2.484.654.177	12.415.109.919
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	14.540.136.681	2.306.415.259	1.071.876.457	1.476.407.898	19.394.836.295
Tại ngày 31/12/2012	13.498.060.341	2.465.218.068	676.532.329	1.106.324.197	17.746.134.935

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao.

5.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	126.793.168.885	81.959.746.340
Tăng	56.872.399.570	44.833.422.545
Kết chuyển	6.904.080.375	-
Tại ngày 31 tháng 12	176.761.488.080	126.793.168.885

Chi tiết các công trình như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án khu nhà ở dân cư phường 2	-	5.417.171.900
Dự án KDC trung tâm mở rộng phường 6	170.864.012.459	118.281.205.897
Dự án mỏ sét	1.337.597.949	1.223.585.982
Dự án mặt bằng khu xử lý nước thải	144.167.400	144.167.400
Nhà máy Tuynel Đức Hòa	-	180.723.637
Dự án khai thác cát	-	104.359.707
Dự án khu dân cư trung tâm phường 6	-	-
Khu công nghiệp Hữu Thạnh - Đức Hòa	4.405.710.272	1.441.954.362
Nhà xe - Kho Bông lúa	10.000.000	-
Tổng	176.761.488.080	126.793.168.885

5.9 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
CTCP Khai thác Hạnh Phúc	6.750.000.000	6.750.000.000
CTCP Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Long An	60.000.000	60.000.000
Tổng	6.810.000.000	6.810.000.000

Công ty Cổ phần Khai thác Hạnh Phúc được chuyển đổi từ Công ty Liên doanh Khai thác Hạnh phúc theo Giấy chứng nhận đầu tư số 502032000059 ngày 22/4/2008, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 7,5% trong tổng số 90 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.

Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Long An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101258409 ngày 26/03/2010, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 6% trong tổng số 1 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	151.601.040	147.861.985
Tổng	151.601.040	147.861.985

5.11 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
1. Vay tổ chức tín dụng	40.839.696.945	17.940.138.637
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Long An	40.839.696.945	17.940.138.637
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	15.000.000.000	3.750.000.000
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An	5.000.000.000	3.750.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển VN-CN Long An	10.000.000.000	
Tổng	55.839.696.945	21.690.138.637

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012HD ngày 29/02/2012, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 01/2012/HĐ ngày 31/12/2012 và các hợp đồng vay ngắn hạn chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 24/11/2010, phụ lục hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2011/PLHĐTDHM ngày 26/04/2011 sang với số tiền tối đa là 45.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam. Thời hạn rút vốn của hợp đồng đến hết ngày 31/03/2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2010/HĐTC ngày 18/08/2010 ký giữa Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An với giá trị tài sản đảm bảo: 17.363.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐTC ngày 23/11/2011 với giá trị tài sản đảm bảo: 21.781.000.000 đồng; hợp đồng bảo lãnh hạn mức số 01/2012/HĐHMBL của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An với số dư bảo lãnh tối đa bao gồm tất cả các khoản dư nợ bảo lãnh hiện tại là 30.000.000.000 đồng; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Kỳ hạn trả lãi được xác định tại hợp đồng tín dụng cụ thể. Số dư tại thời điểm 31/12/2012 là: 40.839.696.945 đồng.

5.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	334.448.134	568.601.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.599.558	1.319.654.877
Các loại thuế khác	87.753.869	29.312.680
Tổng	478.801.561	1.917.568.643

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

5.13 PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	220.939.528	67.633.553
Bảo hiểm xã hội	62.388.641	67.085.652
Bảo hiểm y tế	15.564.060	13.463.914
Bảo hiểm thất nghiệp	7.742.300	6.661.994
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) -TNHH MTV	5.957.150.100	8.665.400.100
Các đội xây dựng	5.143.128.899	2.545.744.531
Lê Văn Thái	-	22.641.077
Nguyễn Anh Tuấn	579.970.671	822.476.188
Cổ tức phải trả	2.100.187.000	-
Phải trả khác	1.964.199.568	585.343.317
Tổng	16.051.270.767	12.796.450.326

5.14 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	17.930.773.120	17.930.773.120
Khách hàng góp vốn dự án KDC TTMR P6	6.102.824.088	-
Tổng	24.033.597.208	17.930.773.120

- Căn cứ theo hợp đồng điều chỉnh hợp tác và kinh doanh số 27/2011HDHT ngày 24 tháng 06 năm 2011 giữa Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Long An IDICO (“IDICO-LINCO”) và Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng IDICO (“IDICO-IDI”) về việc hợp tác đầu tư và kinh doanh “Dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An”. Dự án có thông tin cụ thể như sau:

Tổng mức đầu tư dự án	724.135.957.316
Trong đó, cơ cấu vốn được xác định:	
70% vốn huy động hợp pháp	506.895.170.121
30% vốn góp của IDICO LINCO và IDICO IDI	217.240.787.195
<i>bao gồm:</i>	
<i>IDICO LINCO (70%)</i>	<i>152.068.551.037</i>
<i>IDICO IDI (30%)</i>	<i>65.172.236.159</i>
Tại ngày 31/12/2012, IDICO IDI đã góp	17.930.773.120

- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 37/NQ-HDQT . Công ty đã thực hiện huy động vốn góp của Khách hàng để đầu tư xây dựng dự án Khu dân cư trung tâm mở rộng phường 6-TP Tân An. Đến ngày 31/12/2012 số tiền Khách hàng đã góp vốn là 6.102.824.088 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

5.15 VAY DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An	11.250.000.000	16.250.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển VN-CN Long An	38.250.600.000	-
Tổng	49.500.600.000	16.250.000.000

Công ty vay dài hạn của Quỹ Đầu Tư Phát Triển tỉnh Long An theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011.HĐTD ngày 20 tháng 01 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng số 15/PL.HĐTD.2012, ngày 21/08/2012. Trị giá hợp đồng vay: 20.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 5 năm. Thời hạn ân hạn: 1 năm; Lãi suất nợ trong hạn: 10.6%/năm. Khi Nhà nước có quyết định điều chỉnh lãi suất thì lãi suất đối với phần vốn vay đã giải ngân, tính theo lãi suất 10.6%/năm, đối với phần vốn chưa giải ngân thì lãi suất được tính theo mức điều chỉnh của Nhà nước tại từng thời điểm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn. Mục đích vay: Tiền vay được sử dụng để đầu tư xây dựng hạng mục: hệ thống thoát nước, hệ thống giao thông; Đảm bảo tiền vay: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất diện tích 2.731m² với tổng giá trị tài sản đảm bảo: 23.350.050.000 đồng. Kỳ hạn trả nợ: 6 tháng/lần, mức trả nợ trong mỗi kỳ: 2.500.000.000 đồng. Thời điểm bắt đầu trả nợ: Sau 1 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu. Số dư tại thời điểm ngày 31/12/2012 là: 16.250.000.000 đồng.

Hợp đồng vay dài hạn giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An và công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2011/HĐ ngày 02/12/2011 và Văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 10/02/2012. Mục đích: Đầu tư xây dựng khu dân cư trung tâm mở rộng phường 6, tp. Tân An, tỉnh Long An. Trị giá hợp đồng vay: 140.000.000.000 đồng nhưng không vượt quá 41.6% tổng mức đầu tư thực tế của dự án. Thời hạn vay là 60 tháng. Thời hạn ân hạn: 18 tháng; Lãi suất được thông báo tại thời điểm giải ngân. Lãi suất vay được điều chỉnh bán niên vào ngày 01 tháng 01 và ngày 01 tháng 7 hàng năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn. Lịch trả nợ: 3 tháng trả 1 kỳ, mỗi kỳ trả số tiền 10.000.000.000 VND. Đảm bảo tiền vay: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2010/HĐTC ngày 18/08/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An với giá trị tài sản đảm bảo: 19.316.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HĐ ngày 30/08/2011, Giấy chứng nhận đất số L 543778 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 25/03/1998 với giá trị tài sản thế chấp là 2.492.370.000 đồng; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 01/2003/HĐ ngày 18/04/2003, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V 675640 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 18/10/2002 với giá trị tài sản thế chấp là 443.162.050 VND; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/TC ngày 16/11/2004, Quyết định số 303/UB.QĐ.91 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 23/03/1991 với giá trị tài sản thế chấp là 96.012.000 VND. Số dư tại thời điểm kiểm toán là: 48.250.600.000 đồng.

5.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	85.500.000.000	9.000.000.000	1.042.907.420	2.590.352.430	2.346.383.857	9.760.845.322	110.240.489.029
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	4.335.009.190	4.335.009.190
Lãi	-	-	-	-	-	4.335.009.190	4.335.009.190
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	8.649.000.000	8.649.000.000
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	8.550.000.000	8.550.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	99.000.000	99.000.000
Số dư tại 31/12/2011	85.500.000.000	9.000.000.000	1.042.907.420	2.590.352.430	2.346.383.857	5.446.854.512	105.926.498.219
Số dư tại 01/01/2012	85.500.000.000	9.000.000.000	1.042.907.420	2.590.352.430	2.346.383.857	5.446.854.512	105.926.498.219
Tăng trong năm	-	-	-	283.613.512	216.750.000	2.052.275.869	2.552.639.381
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	283.613.512	216.750.000	-	500.363.512
Lãi	-	-	-	-	-	2.052.275.869	2.052.275.869
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	5.446.854.512	5.446.854.512
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	283.613.512	283.613.512
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	216.750.000	216.750.000
Trích quỹ KT và Phúc lợi	-	-	-	-	-	433.500.000	433.500.000
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	4.275.991.000	4.275.991.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	237.000.000	237.000.000
Số dư tại 31/12/2012	85.500.000.000	9.000.000.000	1.042.907.420	2.873.965.942	2.563.133.857	2.052.275.869	103.032.283.088

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.550.000	8.550.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.189.500	4.189.500
Cổ phiếu phổ thông	4.189.500	4.189.500
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.550.000	8.550.000
Cổ phiếu phổ thông	8.550.000	8.550.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.17 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu của hàng hóa đã bán	72.367.662.725	49.077.271.814
Doanh thu xây lắp	52.904.857.523	44.668.355.068
Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.442.351.696	7.159.896.940
Doanh thu khác	382.562.726	174.979.227
Tổng	128.097.434.670	101.080.503.049

5.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	67.468.925.559	46.641.727.695
Giá vốn xây lắp	45.866.969.012	36.248.506.635
Giá vốn kinh doanh bất động sản	712.510.896	1.081.818.130
Giá vốn dịch vụ	368.297.194	425.175.144
Tổng	114.416.702.661	84.397.227.604

5.19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.137.265.332	1.905.103.911
Cổ tức, lợi nhuận được chia	985.852.384	-
Tổng	2.123.117.716	1.905.103.911

5.20 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	2.661.765.737	2.736.719.855
Tổng	2.661.765.737	2.736.719.855

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.21 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.234.669.177	2.072.216.360
Chi phí khấu hao TSCĐ	744.643.268	614.555.440
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	1.015.631.780	791.697.093
Chi phí bằng tiền khác	1.968.541.976	1.611.725.440
Tổng	5.963.486.201	5.090.194.333

5.22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.967.861.575	5.405.117.132
Chi phí vật liệu quản lý	514.480.343	462.709.100
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.177.274	127.144.272
Chi phí khấu hao TSCĐ	278.950.426	384.386.638
Thuế, phí và lệ phí	10.087.886	24.373.069
Chi phí dự phòng	202.354.048	273.707.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	517.457.451	514.911.830
Chi phí bằng tiền khác	625.365.608	669.906.317
Tổng	7.120.734.611	7.862.256.116

5.23 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác		
Thu từ quyết toán giao việc các công trình	729.942.816	-
Thu hồi nợ khó đòi (Vũ)	20.000.000	-
Thu cho thuê mặt bằng	176.363.636	-
Thu giảm CP trích trước dự án KDCTT P6	-	1.913.980.840
Thu xử lý kết quả kiểm kê	359.228.496	-
Thu thanh lý tài sản	1.006.000.000	-
Tắt toán quỹ DP trợ cấp mất việc làm	90.283.338	-
Thu nhập khác	79.201.284	945.878.959
Tổng	2.461.019.570	2.859.859.799
Chi phí khác		
Thanh lý dự án khai thác cát	180.723.637	-
Xử lý kết quả kiểm kê	229.283.584	-
Các khoản chi phí khác	98	104.404.784
Tổng	410.007.319	104.404.784
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	2.051.012.251	2.755.455.015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.24 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán	2.108.875.427	5.654.664.067
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:		
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:		
- Cổ tức được nhận	985.852.384	-
Chuyển lỗ từ hoạt động SXKD năm 2009	1.123.023.043	376.044.560
Thu nhập chịu thuế	-	5.278.619.507
<i>Thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất</i>		5.278.619.507
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.319.654.877
Thuế TNDN nộp bổ sung của năm 2011	56.599.558	-
Tổng	56.599.558	1.319.654.877

5.25 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.715.877.031	33.264.135.467
Chi phí nhân công	21.966.027.925	10.484.448.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.322.146.814	2.259.642.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.105.488.151	7.743.615.668
Tổng	77.109.539.921	53.751.842.166

5.26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.052.275.869	4.335.009.190
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.052.275.869	4.335.009.190
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	8.550.000	8.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	240	507

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Sản xuất gạch tuynel, Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, Xây lắp công trình, Đầu tư và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, và lĩnh vực khác (tư vấn đầu tư xây dựng) chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

6.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

	Nhà máy VLXD tunnel Đức Hoà	Xí nghiệp Khai thác và KD VLXD	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BDS	Khác (Tư vấn)	Loại trừ	Tổng
TÀI SẢN							
Tài sản cố định	6.800.497.465	1.041.802.502	1.322.789.164	10.229.747.164	-	-	19.394.836.295
Xây dựng cơ bản dở dang	1.548.477.019	-	-	125.244.691.866	-	-	126.793.168.885
Các khoản phải thu	1.142.089.394	3.127.666.800	23.856.566.003	2.746.687.166	24.640.248	-	30.897.649.611
Hàng tồn kho	4.256.355.363	3.088.504.844	13.657.203.634	-	186.583.139	-	21.188.646.980
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	20.516.826.430
Tổng tài sản	13.747.419.241	7.257.974.146	38.836.558.801	138.221.126.196	211.223.387	-	218.791.128.201
NỢ PHẢI TRẢ							
Các khoản phải trả	922.328.588	5.019.323.630	21.656.923.497	29.490.773.120	38.692.184	-	57.128.041.019
Phải trả tiền vay	6.922.853.262	3.618.064.848	6.880.472.964	25.000.000.000	518.747.563	-	42.940.138.637
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	12.796.450.326
Tổng nợ phải trả	7.845.181.850	8.637.388.478	28.537.396.461	54.490.773.120	557.439.747	-	112.864.629.982



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

	Nhà máy VLXD tuynel Đức Hoà	Xí nghiệp Khai thác và KD VLXD	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Khác (Tur vản)	Loại trừ	Tổng
DOANH THU							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.225.325.507	42.851.946.307	44.668.355.068	7.159.896.940	174.979.227		101.080.503.049
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	556.472.706	8.141.251.231	17.957.636.364		77.417.212	(26.732.777.513)	-
Tổng doanh thu	6.781.798.213	50.993.197.538	62.625.991.432	7.159.896.940	252.396.439	(26.732.777.513)	101.080.503.049
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH							
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.844.848.886)	701.242.504	1.523.450.627	3.601.176.668	(250.195.917)		3.730.824.996
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)							1.905.103.911
Chi phí tài chính (không phân bổ)							(2.736.719.855)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD							2.755.455.015
Lợi nhuận kế toán trước thuế							5.654.664.067
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(1.319.654.877)
Lợi nhuận trong năm							4.335.009.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

6.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

	Nhà máy VLXD tuynel Đức Hoà	Xí nghiệp Khai thác và KD VLXD	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Khác (Tư vấn)	Loại trừ	Tổng
TÀI SẢN							
Tài sản cố định	5.897.251.338	1.086.755.715	2.056.806.118	8.705.321.764	-	-	17.746.134.935
Xây dựng cơ bản dở dang	1.481.765.349	10.000.000	-	175.269.722.731	-	-	176.761.488.080
Các khoản phải thu	1.186.945.434	6.726.669.064	26.556.649.320	2.216.697.000	10.692.020	-	36.697.652.838
Hàng tồn kho	4.278.934.953	4.527.830.591	16.967.967.335	5.417.171.900	242.925.097	-	31.434.829.876
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	23.290.797.291
Tổng tài sản	12.844.897.074	12.351.255.370	45.581.422.773	191.608.913.395	253.617.117	-	285.930.903.020
NỢ PHẢI TRẢ							
Các khoản phải trả	839.755.743	6.444.386.740	22.506.786.016	36.454.962.208	38.692.184	-	66.284.582.891
Phải trả tiền vay	6.687.886.912	4.173.139.717	29.829.394.850	64.500.600.000	149.275.466	-	105.340.296.945
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	11.273.740.096
Tổng nợ phải trả	7.527.642.655	10.617.526.457	52.336.180.866	100.955.562.208	187.967.650	-	182.898.619.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

6.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

	Nhà máy VLXD tuynel Đứơc Hoà	Xí nghiệp Khai thác và KD VLXD	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Khác (Tư vấn)	Loại trừ	Tổng
DOANH THU							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.905.700.734	66.461.961.991	52.904.857.523	2.442.351.696	382.562.726	-	128.097.434.670
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	1.397.913.697	12.446.579.551	17.089.371.818		680.651.818	(31.614.516.884)	-
Tổng doanh thu	7.303.614.431	78.908.541.542	69.994.229.341	2.442.351.696	1.063.214.544	(31.614.516.884)	128.097.434.670
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH							
Kết quả kinh doanh bộ phận	(508.382.398)	767.259.296	352.775.702	(29.406.935)	14.265.532		596.511.197
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư thu nhập tài chính)	-	-	-	-	-	-	2.123.117.716
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	-	-	-	(2.661.765.737)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	-	-	2.051.012.251
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	-	2.108.875.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	56.599.558
Lợi nhuận trong năm							2.052.275.869

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN

6.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Giao dịch bán:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2012 VND</u>	<u>Năm 2011 VND</u>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV	Công ty mẹ	Khối lượng xây lắp hoàn thành	-	1.243.434.339
Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Bán hàng hóa	1.606.628.083	598.475.000
Công ty CP kiểm định xây dựng IDICO Vinacontrol	Đơn vị cùng Tổng IDICO	CP lập dự án		82.212.480
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Bán hàng hóa	13.745.315.510	2.140.507.549
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Giảm tiền lãi chậm góp vốn	2.075.819.849	(1.887.194.949)
Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu Cộng	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Ứng trước HĐTC	2.253.826.276	(303.000.000)
			19.681.589.718	1.874.434.419

Giao dịch mua:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2012 VND</u>	<u>Năm 2011 VND</u>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV	Công ty mẹ	Phải trả - Cổ tức	2.180.250.000	4.360.500.000
		Phí kiểm toán	111.500.000	49.500.000
		Vay vốn ngắn hạn		5.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Mua bán VLXD		178.857.536
Công ty CP Kiểm định xây dựng IDICO Vinacontrol	Đơn vị cùng Tổng IDICO	CP kiểm định	62.354.069	1.569.325.573
Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO Cộng	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Lập dự án, giám sát	1.752.317.000	1.309.536.000
			4.106.421.069	12.467.719.109

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**Số dư phải trả các bên liên quan:**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV	Phải trả - Cổ tức	5.957.150.100	3.665.400.100
	Vay vốn ngắn hạn	-	5.000.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO	Phải trả người bán	916.887.000	850.494.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Vốn góp hợp tác KD dự án KDC TT mở rộng P6	17.930.773.120	17.930.773.120
Công ty CP Kiểm định xây dựng IDICO Vinacontrol	Phải trả tiền dv tư vấn	118.012.642	102.358.573
Công ty CP Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu	Phải trả tiền ứng trước HĐTC	-	303.000.000
Cộng		24.922.822.862	27.852.025.793

Số dư phải thu các bên liên quan:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 10 Idico	Phải thu tiền lãi cho vay	968.674.668	968.674.668
Công ty CP Kiểm định xây dựng IDICO Vinacontrol	Phải thu tiền dv tư vấn	8.221.248	8.221.248
	Phải thu tiền ứng trước theo hợp đồng		
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Phải thu tiền hàng	1.212.471.677	842.974.199
	Phải thu khoản lãi chậm góp vốn DA mở rộng F6	3.088.608.011	1.012.788.162
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO	Phải thu tiền hàng	249.015.466	122.352.624
Công ty CP phát triển đường cao tốc Biên Hòa - VT	Phải thu khối lượng xây lắp	148.419.276	-
Cộng		5.675.410.346	2.955.010.901

Thu nhập cán bộ chủ chốt:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	240.000.000	237.000.000

6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.11 và 5.15, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị còn lại tại 31/12/2012 VND	Giá trị còn lại tại 31/12/2011 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.830.315.262	3.084.347.393
Các khoản đầu tư	6.810.000.000	6.810.000.000
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	34.163.674.405	33.992.940.513
Tổng cộng	53.803.989.667	43.887.287.906
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng, phải trả nội bộ và phải trả khác	56.772.680.969	47.947.048.427
Chi phí phải trả	-	841.869.374
Khoản vay	105.340.296.945	37.940.138.637
Tổng cộng	162.112.977.914	86.729.056.438

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, về lãi suất và về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch và số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất thả nổi và lãi suất cố định đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

VOTS
CÔNG
P C
4 7
T T
M V

6.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Phải trả khách hàng, phải trả nội bộ và phải trả khác	32.739.083.761	24.033.597.208	56.772.680.969
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	55.839.696.945	49.500.600.000	105.340.296.945
	88.578.780.706	73.534.197.208	162.112.977.914
01/01/2012			
Phải trả khách hàng, phải trả nội bộ và phải trả khác	30.016.275.307	17.930.773.120	47.947.048.427
Chi phí phải trả	841.869.374	-	841.869.374
Các khoản vay	21.690.138.637	16.250.000.000	37.940.138.637
	52.548.283.318	34.180.773.120	86.729.056.438

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Tiền và tương đương tiền	12.830.315.262	-	12.830.315.262
Đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	-	6.810.000.000	6.810.000.000
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	34.163.674.405	-	34.163.674.405
	46.993.989.667	6.810.000.000	53.803.989.667
01/01/2012			
Tiền và tương đương tiền	3.084.347.393	-	3.084.347.393
Đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	-	6.810.000.000	6.810.000.000
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	33.992.940.513	-	33.992.940.513
	37.077.287.906	6.810.000.000	43.887.287.906

13/12
 TỶ NI
 JA
 AN
 IP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Người lập biểu



Phạm Quốc Tài

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tiến

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2013



Giám đốc



Nguyễn Xuân Tiến



